



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 36 (15/10/2006)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

26-9-2006	- Nghị quyết số 49/2006/NQ-HĐND về xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.	4
26-9-2006	- Nghị quyết số 50/2006/NQ-HĐND về công nhận kết quả bầu cử chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.	5
26-9-2006	- Nghị quyết số 51/2006/NQ-HĐND về công nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.	6
26-9-2006	- Nghị quyết số 52/2006/NQ-HĐND về miễn nhiệm chức danh Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.	7

26-9-2006	- Nghị quyết số 53/2006/NQ-HĐND về miễn nhiệm Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.	8
26-9-2006	- Nghị quyết số 54/2006/NQ-HĐND về tăng mức phụ cấp đối với khu phố, ấp.	9
26-9-2006	- Nghị quyết số 55/2006/NQ-HĐND về điều chỉnh mức phí qua đò tại bến khách ngang sông An Phú Đông, quận 12.	10
26-9-2006	- Nghị quyết số 56/2006/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí qua các bến trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái, Bình Khánh).	11
26-9-2006	- Nghị quyết số 57/2006/NQ-HĐND về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đào tạo, giải quyết việc làm khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	13
26-9-2006	- Nghị quyết số 58/2006/NQ-HĐND về dự án đầu tư khởi công mới từ nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung vào kế hoạch năm 2006.	15

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

21-7-2006	- Quyết định số 117/2006/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chương trình cải cách hành chính và chống quan liêu (giai đoạn 2006 - 2010).	28
25-9-2006	- Quyết định số 142/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh.	39

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

25-9-2006	- Quyết định số 32/2006/QĐ-UBND về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân phường.	51
-----------	--	----

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

02-10-2006 - Quyết định số 4637/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận.

54

THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xác nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh gồm các ông, bà có tên sau đây:

- 1. Bà Nguyễn Thị Hồng;**
- 2. Ông Nguyễn Trung Tín.**

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố hoàn tất thủ tục và trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về công nhận kết quả bầu cử chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội
Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử chức danh Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả bầu cử chức danh Trưởng Ban chuyên trách Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với:

Bà Nguyễn Thị Bạch Yến

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị Bạch Yến có trách nhiệm thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về công nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Phó Ban Pháp chế
Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ kết quả kiểm phiếu bầu cử bổ sung chức danh Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận kết quả bầu cử bổ sung chức danh Phó Ban chuyên trách Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với:

Ông Phạm Quý Cường

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và ông Phạm Quý Cường có trách nhiệm thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về miễn nhiệm chức danh Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân
thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đơn xin thôi chức danh Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị Bạch Yến - Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về miễn nhiệm chức danh Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2004 - 2009 đối với bà Nguyễn Thị Bạch Yến,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận cho bà Nguyễn Thị Bạch Yến được miễn nhiệm chức danh Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2004 - 2009.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Thị Bạch Yến có trách nhiệm thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về miễn nhiệm Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân
thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đơn xin từ nhiệm Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh của bà Trần Việt Anh;

Căn cứ kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về miễn nhiệm Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009 đối với bà Trần Việt Anh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận cho bà Trần Việt Anh được miễn nhiệm Hội thẩm nhân dân Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2004 - 2009.

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, Chánh án Tòa án nhân dân thành phố và bà Trần Việt Anh có trách nhiệm thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT
Về tăng mức phụ cấp đối với khu phố, ấp

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII KỶ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 6 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6618/TTr-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng mức phụ cấp đối với khu phố, ấp; Báo cáo thẩm tra số 280/BCTT-KTNS ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng mức phụ cấp đối với khu phố, ấp từ 1.500.000 đồng/tháng lên 2.000.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ 01 tháng 10 năm 2006.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai, tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh mức phí qua đò tại bến khách ngang sông An Phú Đông, quận 12

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 6 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6484/TTr-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức phí qua đò tại bến khách ngang sông An Phú Đông, quận 12; Báo cáo thẩm tra số 280/BCTT-KTNS ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận mức phí điều chỉnh qua đò tại bến khách ngang sông An Phú Đông, quận 12 của Ủy ban nhân dân thành phố đối với đối tượng hành khách đi bộ là 500 đồng/lượt người, hành khách đi xe đạp (người và phương tiện) là 800 đồng/lượt người; đối với đối tượng khách đi xe gắn máy (người và phương tiện) mức phí là 1.000 đồng/lượt người.

Thời gian thực hiện từ 01 tháng 10 năm 2006.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh mức thu phí qua các bến trên địa bàn thành phố
(bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái, Bình Khánh)**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 6 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 5819/TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí qua các bến trên địa bàn thành phố (bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái, Bình Khánh); Báo cáo thẩm tra số 280/BCTT-KTNS ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí qua các bến trên địa bàn thành phố: bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái, Bình Khánh. *(Đính kèm bảng phụ lục điều chỉnh giá chi tiết)*

Thời gian thực hiện từ 01 tháng 10 năm 2006.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

Bảng điều chỉnh giá chi tiết bến phà Thủ Thiêm, Cát Lái và Bình Khánh

Đối tượng thu	Đơn vị tính	Bến Thủ Thiêm		Bến Cát Lái		Bến Bình Khánh	
		Giá hiện hành	Giá điều chỉnh	Giá hiện hành	Giá điều chỉnh	Giá hiện hành	Giá điều chỉnh
1. Hành khách đi bộ	đ/người	500	500	500	500	500	500
2. Hành khách đi xe đạp	đ/ng/xe	800	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
3. Hành khách đi xe gắn máy	đ/ng/xe	1.000	1.500	1.500	2.000	2.000	3.000
4. Xe thô sơ không hàng	đồng/xe	1.000	1.500	2.000	2.500	2.000	4.000
5. Xe thô sơ có hàng	đồng/xe	1.500	3.000	3.000	5.000	3.000	8.000
6. Xe lam 03 bánh	đồng/xe	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
7. Xe ô tô con (dưới 07 chỗ ngồi)	đồng/xe	8.000	10.000	8.000	12.000	8.000	15.000
8. Xe khách từ 07 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi:	đồng/xe	10.000	-	10.000	-	10.000	-
- Từ 07 chỗ ngồi đến dưới 20 chỗ ngồi	-	-	14.000	-	16.000	-	18.000
- Từ 20 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	-	-	16.000	-	18.000	-	20.000
9. Xe khách trên 30 chỗ ngồi:	đồng/xe	-	20.000	-	25.000	12.000	30.000
10. Xe tải dưới 03 tấn	đồng/xe	8.000	15.000	8.000	20.000	8.000	25.000
11. Xe tải từ 03 tấn đến dưới 05 tấn	đồng/xe	-	20.000	-	25.000	15.000	30.000
12. Xe tải từ 05 tấn	đồng/xe	-	-	-	-	20.000	-
- Xe tải từ 05 tấn đến dưới 07 tấn	-	-	30.000	-	40.000	-	50.000
- Xe tải từ 07 tấn đến dưới 10 tấn	-	-	40.000	-	50.000	-	60.000
13. Xe tải 10 tấn trở lên:	đồng/xe						
- Xe tải từ 10 tấn đến dưới 13 tấn hoặc xe đầu kéo không có rơ-moóc	-	-	50.000	-	60.000	-	70.000
- Xe tải từ 13 tấn đến dưới 15 tấn	-	-	60.000	-	70.000	-	80.000
- Xe tải từ 15 tấn trở lên	-	-	-	-	90.000	-	120.000
14. Xe đầu kéo rơ-moóc	đồng/xe	-	-	-	120.000	-	150.000
15. Hàng hóa từ 60kg trở lên	đồng/100kg	1.500	-	1.500	-	1.500	-

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đào tạo, giải quyết việc làm
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 6 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6604/TTr-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đào tạo, giải quyết việc làm khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 280/BCTT-KTNS ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân thành phố lưu ý các vấn đề sau:

a) Về giá đất để tính bồi thường: Ủy ban nhân dân thành phố áp dụng khoản 2 Điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ và Thông tư số 69/2006/TT-BTC ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính.

b) Về nhà tái định cư: Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo khẩn trương giải quyết tái định cư cho các hộ tạm cư. Căn hộ chung cư, nền đất ở phải đảm bảo chất lượng các công trình và hạ tầng kỹ thuật; chậm nhất đến ngày 30 tháng 6 năm 2007 hoàn tất việc tái định cư cho các hộ tạm cư.

Đối với những dự án đầu tư mới có giải tỏa, bồi thường, thu hồi đất, phải có phương án tái định cư cho người dân, trong trường hợp buộc phải thực hiện tạm cư không để tái diễn tình trạng tạm cư kéo dài như thời gian qua.

c) Về bồi thường đất nông nghiệp bằng giao lại đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật: Đối với các dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở hoặc có quỹ đất phục vụ tái định cư, ngoài phương thức bồi thường bằng tiền, người bị thu hồi đất nông nghiệp có thể được lựa chọn phương thức nhận lại nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, nhưng không quá hai (02) lần hạn mức giao đất ở mới. Giao Ủy ban nhân dân thành phố quy định tỷ lệ hoán đổi, giao lại nền đất cho phù hợp từng địa bàn.

d) Hội đồng nhân dân thành phố chấp thuận thành lập Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố. Nguồn thu của Quỹ do ngân sách thành phố cấp một phần cùng sự đóng góp của các chủ dự án và các nguồn khác.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện. Hàng năm có báo cáo kết quả thực hiện nhằm góp phần hoàn thiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đào tạo, giải quyết việc làm cho các hộ dân bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Hội đồng nhân dân thành phố yêu cầu Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp hoạt động giám sát, kịp thời đôn đốc, chấn chỉnh những thiếu sót, chậm trễ trong thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2006/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 9 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

**Về dự án đầu tư khởi công mới từ nguồn vốn ngân sách thành phố
bổ sung vào kế hoạch năm 2006**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỶ HỌP THỨ 8

Căn cứ khoản 6 Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét Tờ trình số 6239/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2006 và Tờ trình số 6983/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự án đầu tư khởi công mới từ nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung vào kế hoạch năm 2006; Báo cáo thẩm tra số 280/BCTT-KTNS ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chấp thuận thông qua nội dung 2 Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung 107 dự án đầu tư khởi công mới năm 2006 với tổng số vốn là 2.215,595 tỷ đồng, trong đó kế hoạch năm 2006 là 568,442 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách thành phố. *(đính kèm bảng tổng hợp danh mục đầu tư năm 2006 nguồn vốn ngân sách tập trung, công trình khởi công mới)*

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 9 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2006
Nguồn vốn ngân sách tập trung
Công trình khởi công mới

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian Khởi công- Hoàn thành	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư				Lũy kế giải ngân đến 31/12/2005	Kế hoạch cả năm 2006	Kế hoạch đợt 3	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó: Đền bù giải tỏa	Xây lắp & thiết bị	Chi phí khác				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Tổng cộng						2.215.595	204.667	1.734.498	276.430	17.878	568.442	446.296	
Chương trình đầu tư cho giáo dục - đào tạo						478.621	42.782	372.544	478.621	42.782	372.544	63.295	15.875
1	Xây dựng Trường tiểu học phường Bình Trị Đông	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận Bình Tân	Quận Bình Tân	2006 - 2007	40 phòng học và khối phụ	20.511	-	17.730	2.781	43			
2	Xây dựng Trường Tiểu học phường Tân Tạo A	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận Bình Tân	Quận Bình Tân	2006 - 2007	30 phòng học và khối phụ	25.541	-	21.998	3.543	-			
3	Xây dựng Trường THCS bán công Tân Tạo	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận Bình Tân	Quận Bình Tân	2006 - 2007	23 phòng học và khối phụ	30.701	5.658	21.690	3.353	2.671			Đã ứng tiền đền bù giải tỏa
4	Xây dựng, mở rộng, và sửa chữa nâng cấp Trường THCS Phan Bội Châu quận Tân Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2006 - 2007	Xây mới 30 phòng học và khối phụ. Sửa chữa 4 phòng và khối công trình phụ	17.897	-	15.407	2.490	-			
5	Xây dựng Trung tâm Giáo dục thường xuyên quận 3	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận 3	Quận 3	2006 - 2007	15 phòng học, khối hành chính, khối phụ	7.493	-	6.235	1.258				
6	Xây dựng Trường tiểu học phường 5 quận 8	Ban Quản lý dự án ĐTXD quận 8	Quận 8	2006 - 2007	30 phòng học và khối phụ	30.840	13.025	15.492	2.323	11.745			Đã ứng tiền đền bù giải tỏa

7	Xây dựng và sửa chữa nâng cấp Trường tiểu học Nguyễn Minh Quang	Ban Quản lý dự án khu vực quận 9	Quận 9	2006 - 2007	30 phòng học, khối phụ và khối nhà hiện hữu	21.593	1.465	17.253	2.875	50			
8	Xây dựng Trường tiểu học Phùng Hưng	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận 11	Quận 11	2006 - 2007	30 phòng học	14.810	-	12.805	2.005				
9	Xây dựng và sửa chữa nâng cấp Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận 5	Quận 5	2006 - 2007	xây mới 20 phòng học và sửa chữa khối hiện hữu	8.405	-	7.056	1.349	-			
10	Xây dựng Trường trung học cơ sở Tân Thạnh Tây	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2006 - 2007	16 phòng học và khối phụ	11.551	-	9.952	1.599	-			
11	Xây dựng mở rộng Trường tiểu học Hòa Phú	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2006 - 2007	30 phòng và khối phụ	18.210	-	16.006	2.204	-			
12	Xây dựng Trường trung học phổ thông Xuân Thới Thượng	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD công trình huyện Hóc Môn	Huyện Hóc Môn	2006 - 2008	36 phòng và khối phụ	37.380	-	31.640	5.740	-			
13	Xây dựng Trường trung học cơ sở Vĩnh Lộc	Công ty Quản lý và phát triển nhà quận 5	Quận Bình Tân	2006 - 2007	31 phòng học và khối phụ	22.094	-	18.406	3.688	-			
14	Xây dựng 12 phòng học Trường tiểu học Phú Lâm	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận 6	Quận 6	2006	xây dựng 12 phòng học	6.857	-	5.502	1.355	-			
15	Xây dựng Trường trung học cơ sở Lê Văn Tám	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư quận 7	Quận 7	2006 - 2007	43 phòng + khối phụ	36.385	3.739	27.822	4.824	-			
16	Xây dựng Trường tiểu học An Nghĩa	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	2006 - 2007	20 phòng học, khối phụ	19.489	827	16.143	2.519	842			Đã ứng tiền đền bù giải tỏa
17	Xây dựng mới Trường THPT An Nghĩa	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	2006 - 2007	36 phòng học và khối phụ	29.408	1.526	23.786	4.096	-			

18	Xây dựng mở rộng Trường trung học phổ thông Hiệp Thành	Ban Quản lý dự án khu vực quận 12	Quận 12	2006 - 2007	45 phòng học, hành chính, khối phụ	21.821	-	18.817	3.004	-			
19	Xây dựng mới Trường mầm non phường 5 Quận 8	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận 8	Quận 8	2006 - 2007	5 nhóm trẻ, 15 lớp mẫu giáo	25.990	8.491	15.420	2.079	-			
20	Trường mẫu giáo Tuổi thơ 12 phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân	Ban Quản lý dự án ĐTXD quận Bình Tân	Quận Bình Tân	2006 - 2007	10 phòng học, khối phụ	12.350	656	10.076	1.618	524			
21	Xây dựng mở rộng Trường THCS thị trấn 2 huyện Củ Chi	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng công trình huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2006 - 2007	Khởi hành chính, khối phụ, khối phục vụ, nhà tập thể thao	23.677	5.404	15.260	3.013	-			
22	Xây dựng Trường mầm non T1 thuộc khu tái bố trí dân Khu công nghệ cao	Công ty phát triển Khu công nghệ cao	Quận 9	2006 - 2007	8 nhóm trẻ, khối hành chính, khối phụ	6.917	-	5.959	958	-			
23	Xây dựng Trường trung học cơ sở Bình An	Ban Quản lý dự án khu vực quận 2	Quận 2	2006 - 2007	30 phòng học, khối phụ	28.701	1.991	22.089	4.621	-			
Chương trình đầu tư cho y tế						174.142	-	161.728	174.142	-	161.728	12.414	-
24	Mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn Bệnh viện An Bình	Bệnh viện An Bình	Quận 5	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	6.189	-	5.510	679	-			
25	Mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn Bệnh viện Bình Dân	Bệnh viện Bình Dân	Quận 3	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	9.242	-	8.648	594	-			
26	Mua sắm trang thiết bị y tế phòng mổ hồi sức cấp cứu Bệnh viện cấp cứu Trung Vương	Bệnh viện cấp cứu Trung Vương	Quận 10	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	13.380	-	12.660	720	-			
27	Mua sắm trang thiết bị y tế phẫu thuật cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh của Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	Bệnh viện đa khoa Sài Gòn	Quận 1	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	5.343	-	4.994	349	-			

28	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Thủ Đức	Bệnh viện đa khoa Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	4.298	-	4.060	238	-			
29	Mua sắm trang thiết bị y tế của Bệnh viện Da Liễu	Bệnh viện Da Liễu	Quận 3	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	1.442	-	1.299	143	-			
30	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng - điều trị bệnh nghề nghiệp	Bệnh viện Điều dưỡng, Phục hồi chức năng và Điều trị bệnh nghề nghiệp	Quận 8	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	4.616	-	4.200	416	-			
31	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Hùng Vương	Bệnh viện Hùng Vương	Quận 5	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	4.013	-	3.793	220	-			
32	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Quận 5	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	8.314	-	7.774	540	-			
33	Mua sắm thiết bị phẫu thuật cấp bách kỹ thuật cao của Bệnh viện Nhi Đồng 1	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Quận 10	2006 - 2007	Thiết bị y tế chuyên ngành	29.923	-	26.849	3.074	-			
34	Mua sắm thay thế, bổ sung và nâng cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Nhi Đồng 2 (Ghép gan lần 2)	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	3.000	-	3.000	-	-			
35	Mua sắm trang thiết bị y tế phòng mổ, phòng thanh học Bệnh viện Tai Mũi Họng	Bệnh viện Tai Mũi Họng	Quận 3	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	7.576	-	7.081	495	-			
36	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Tâm Thần	Bệnh viện Tâm Thần	Quận 5	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	1.738	-	1.605	133	-			
37	Mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn Bệnh viện Từ Dũ	Bệnh viện Từ Dũ	Quận 1	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	8.585	-	8.037	548	-			
38	Mua sắm trang thiết bị y tế khoa xét nghiệm, phòng mổ Khu điều trị phong Bến Sắn	Khu điều trị phong Bến Sắn	Tỉnh Bình Dương	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	903	-	854	49	-			

39	Mua sắm trang thiết bị các phòng chuyên môn - Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế	Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ y tế	Quận 10	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	591	-	511	80	-			
40	Mua sắm trang thiết bị y tế các phòng chuyên môn Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm	Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm và Mỹ phẩm	Quận 1	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	2.639	-	2.493	146	-			
41	Mua sắm trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế dự phòng	Trung tâm Y tế dự phòng	Quận 5	2006	Thiết bị y tế chuyên ngành	5.265	-	4.921	344	-			
42	Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán và phẫu thuật của Bệnh viện Nhi Đồng 2	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	2006	Thiết bị chuyên ngành	9.739	-	9.129	610	-			
43	Cải tạo và lắp đặt mới hệ thống thang máy	Bệnh viện Nhi Đồng 1	Quận 10	2006	Sửa chữa thang máy	2.300	-	2.000	300	-			
44	Sửa chữa cải tạo nâng cấp phòng điều trị bỏng và mua sắm trang thiết bị	Bệnh viện nhân dân 115	Quận 10	2006	Sửa chữa nâng cấp phòng điều trị và trang bị thiết bị chuyên ngành	9.058	-	8.704	354	-			
45	Lắp đặt 02 thang máy của Bệnh viện Ung bướu	Bệnh viện Ung bướu	Quận Bình Thạnh	2006	02 thang máy	865	-	757	108	-			
46	Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán và phẫu thuật của Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	Quận Bình Thạnh	2006 - 2007	thiết bị y tế chuyên dùng	17.497	-	16.478	1.019	-			
47	Sửa chữa, cải tạo Bệnh viện Tâm thần	Bệnh viện Tâm Thần	Quận 5	2006	sửa chữa, cải tạo	2.829	-	2.397	432	-			
48	Mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán và phẫu thuật của Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới	Bệnh viện Bệnh Nhiệt Đới	Quận 5	2006	thiết bị y tế chuyên dùng	3.091	-	2.926	165	-			
49	Mua sắm 500 giường và 500 tủ đầu giường bệnh nhân của Bệnh viện Nhi Đồng 2	Bệnh viện Nhi Đồng 2	Quận 1	2006	500 giường và 500 tủ đầu giường	2.136	-	1.976	160	-			

50	Mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Mắt	Bệnh viện Mắt	Quận 3	2006 - 2007	thiết bị y tế chuyên ngành	6.805	-	6.361	444	-			
51	Mua sắm trang thiết bị y tế chuyên môn của Bệnh viện Răng Hàm Mặt	Bệnh viện Răng Hàm Mặt	Quận 1	2006	thiết bị y tế chuyên ngành	1.365	-	1.365	-	-			
52	Đầu tư mua sắm hệ thống phẫu thuật nội soi tổng quát của Trung tâm Y tế huyện Củ Chi	Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng công trình huyện Củ Chi	Huyện Củ Chi	2006	thiết bị y tế chuyên môn	1.400	-	1.346	54	-			
Chương trình đầu tư cho giao thông						537.191	125.695	351.911	537.191	125.695	351.911	59.585	864
53	Nâng cấp, cải tạo đường Đặng Văn Bi	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2006 - 2007	1.695m x 18m	34.700	5.100	23.530	6.070	172			
54	Đầu tư mở rộng đoạn đường từ Tỉnh lộ 43 vào Trung tâm chợ đầu mối Tam Bình - Thủ Đức	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận Thủ Đức	Quận Thủ Đức	2006 - 2007	492m	19.926	8.449	10.545	932	200			
55	Nâng cấp đường Bãi Sậy	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận 6	Quận 6	2006	1.525m x 9m	5.394	-	4.475	919	-			
56	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Bình Khiêm	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD quận Gò Vấp	Quận Gò Vấp	2006 - 2007	400m x 12m	8.247	5.645	2.244	358	-			
57	Sửa chữa đường Âu Cơ (từ đường Lê Đại Hành đến đường Trường Chinh)	Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	Quận 11, Tân Bình, Tân Phú	2006	Cải tạo 4.037m đường theo hiện trạng	8.884	-	7.403	1.481	-			
58	Xây dựng đường trục Bắc Nam (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến nút giao thông bờ nam cầu Bà Chiêm) - giai đoạn 2	Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	Quận 7, Huyện Nhà Bè	2006 - 2007	7.125m x 14,5m đường	91.417	-	78.280	13.137	442			
59	Nâng cấp mở rộng đường Mã Lò	Ban Quản lý dự án ĐTXD quận Bình Tân	Quận Bình Tân	2006 - 2007	3457m x 12m mặt đường láng nhựa	85.156	38.472	39.750	6.934	50			

60	Nâng cấp, mở rộng đường Tam Thôn Hiệp, huyện Cần Giờ	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	2006 - 2007	11.912m x 9m đường BTNN	64.400	12.770	43.979	7.651	-			
61	Nâng cấp đường Lý Nhơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	2006 - 2008	18.532m x 9m đường BTNN	93.070	3.460	80.080	9.530	-			
62	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Chích, quận Tân Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2006 - 2007	464m x 14m	9.516	3.447	5.219	850	-			
63	Sửa chữa, nâng cấp đường Trần Thủ Độ, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2006 - 2007	1.069m x 14m	19.204	5.520	11.902	1.782	-			
64	Sửa chữa, nâng cấp cụm đường Khu phố 6, quận Tân Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2006 - 2007	Nâng cấp, cải tạo 775,74m đường ngõ phố và đường nội bộ khu nhà ở	7.529	120	5.896	1.513	-			
65	Sửa chữa, nâng cấp cụm đường Khu phố 6-8, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận Tân Phú	Quận Tân Phú	2006 - 2007	Cải tạo 543m đường ngõ phố và đường nội bộ khu nhà ở	18.204	11.384	5.446	1.374	-			
66	Sửa chữa, nâng cấp đường Trần Thái Tông, quận Tân Bình	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình quận Tân Bình	Quận Tân Bình	2006 - 2007	666m x 18,5m đường	39.025	26.920	10.000	2.105	-			
67	Nâng cấp đường Lê Phụng Hiểu	Ban Quản lý dự án khu vực quận 2	Quận 2	2006 - 2007	1.053 m x 24 m	32.519	4.408	23.162	4.949	-			Doanh nghiệp đọc hai bên tuyên đồng góp toàn bộ chi phí đền bù giải tỏa
Chương trình chống ngập nước						46.620	300	37.080	46.620	300	37.080	9.240	-
68	Nạo vét thông thoáng dòng chảy kênh Tham Lương đoạn từ cầu Bung đến cầu Chợ Cầu	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Sở NN&PTNT	Quận Tân Bình	2006	8 km	3.189	-	2.459	730	-			

69	Sửa chữa khắc phục tình trạng ngập nước trên đường Nguyễn Văn Hường	Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	Quận 2	2006 - 2007	315m x 30m; 2930m x 20m	18.612	300	14.935	3.377	-			
70	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Quốc lộ 50 (Tỉnh lộ 50 cũ), đoạn từ cầu Nhị Thiên Đường đến Đại lộ Nguyễn Văn Linh	Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	Quận 8, huyện Bình Chánh	2006 - 2007	Xây dựng hệ thống thoát nước 1.187m công các loại, kết hợp cải tạo nâng cấp 2.020 m đường và 165m hẻm hiện hữu	19.931	-	15.552	4.379	-			
71	Xây dựng kè chống xói lở bờ sông Rạch Dơi - Khu vực trường Cao đẳng bán công công nghệ và quản trị doanh nghiệp	Khu đường sông	Quận 7	2006 - 2007	250m kè	4.888	-	4.134	754	-			
Chương trình xây dựng Công viên phần mềm Quang Trung và Khu Công nghệ cao						190.138	-	173.404	16.734	190.138	-	173.404	16.734
72	Đầu tư mua sắm thiết bị hai phòng thí nghiệm nghiên cứu công nghệ bán dẫn và công nghệ Nano	Công ty phát triển Khu công nghệ cao	Quận 9	2006 - 2007	01 hệ thống	190.138	-	173.404	16.734	-			
Chương trình ba giảm						172.068	172.068	457	149.382	22.229	-	23.500	17.100
73	Cải tạo, xây dựng Trung tâm chữa bệnh Phú Văn (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Tỉnh Bình Phước	2006 - 2008	Xây dựng mới khu xưởng sản xuất 1200m ² , khu cách ly 2035m ² , nhà xét nghiệm và hệ thống xử lý nước thải 120 m ³ /trạm/ngày đêm	34.282	-	29.918	4.364	-			
74	Xây dựng mở rộng Trung tâm giáo dục dạy nghề Thanh thiếu niên 2 (giai đoạn 2)	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Huyện Củ Chi	2006 - 2008	Tăng khả năng tiếp nhận từ 600 em lên 1500 em	59.521	-	51.882	7.639	-			

75	Xây dựng mới Trung tâm trọng điểm cai nghiện ma túy thành phố - giai đoạn 2	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Tỉnh Bình Phước	2006 - 2008	1700 học viên	44.853	-	39.332	5.521	-			
76	Xây dựng Khu cách ly bệnh của Trung tâm Giáo dục dạy nghề và giải quyết việc làm Nhị Xuân	Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố	Huyện Hóc Môn	2006 - 2007	Xây dựng khu cách ly 1.154m ² và các hạng mục công trình phục vụ, phụ trợ	8.790	-	7.294	1.496	-			
77	Xây dựng đường giao thông từ Tân Định và Trường Giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 4 (phục vụ chương trình 3 giảm)	Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố	Tỉnh Bình Dương	2006 - 2007	13km	22.257	457	18.971	2.829	-			Trong đó, chi trả cho huyện Tân Uyên tỉnh Bình Dương 854 triệu đồng chi phí ĐBGT, lập dự án...
78	Xây dựng mở rộng Khu dạy nghề Trường Giáo dục - đào tạo và giải quyết việc làm Nhị Xuân	Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố	Huyện Hóc Môn	2006 - 2007	xây dựng mới khối dạy nghề và sửa chữa các công trình phụ	2.365	0	1.985	380	0			
Chương trình xử lý rác						169.920	-	139.244	169.920	-	139.244	30.676	550
79	Xây dựng bãi chôn lấp rác số 1A - Khu liên hiệp xử lý rác Tây Bắc thành phố.	Công ty Môi trường đô thị thành phố	Huyện Củ Chi	2006 - 2007	Công suất tiếp nhận và xử lý rác 3.000tấn/ ngày	169.920	-	139.244	30.676	550			
Chương trình xây nhà tái định cư						206.023	5.613	172.066	206.023	5.613	172.066	28.344	480
80	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư 3ha Tân Túc	Công ty Dịch vụ công ích Huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	2006 - 2007	3ha	30.393	5.613	20.686	4.094	-			
81	Xây dựng chung cư lô J và lô N trong khu tái định cư Thủ Thiêm	Ban Quản lý dự án Đại lộ Đông Tây và Môi trường nước	Quận 2	2006 - 2008	568 căn chung cư	175.630	-	151.380	24.250	480			
Các công trình và dự án khác						240.872	29.820	177.139	240.872	29.820	177.139	33.913	109

82	Xây dựng nhà tạm giữ - Công an quận 2	Công an thành phố	Quận 2	2006 - 2007	Diện tích nhà tạm giữ 2119,5m ² ; khu phối thuộc 514,2m ² ; khu phụ trợ 148m ²	14.970	5.880	7.760	1.330	-			
83	Xây dựng nhà tạm giữ Công an huyện Nhà Bè	Công an thành phố	Huyện Nhà Bè	2006 - 2007	Diện tích nhà tạm giữ 866,6m ² ; khu phối thuộc 890,6m ² ; phụ trợ 104,4m ²	8.894	1.208	6.534	1.152	-			
84	Xây dựng Trụ sở làm việc - Công an quận 2	Công an thành phố	Quận 2	2006 - 2007	Nhà chỉ huy 3990m ² ; nhà ăn tập thể 1.089m ² ; công trình phụ 242m ²	16.747	1.612	12.949	2.186	-			
85	Xây dựng Trụ sở Công an quận 12	Công an thành phố	Quận 12	2006 - 2007	Nhà chỉ huy 5.216m ² ; nhà xe ô tô 658m ² ; nhà bảo vệ, tiếp dân 48m ² ; nhà xe 2 bánh 315m ²	26.602	4.049	19.422	3.131	-			
86	Xây dựng trụ sở Công an huyện Nhà Bè	Công an thành phố	Huyện Nhà Bè	2006 - 2007	Nhà chỉ huy 2.122m ² ; nhà xe ô tô 150m ² ; bảo vệ, tiếp dân 204m ² ; nhà xe 2 bánh 300m ² ; nhà tập thể: 664m ² ; kho quân trang 120m ² ; nhà để máy phát điện 16m ²	19.761	5.121	12.496	2.144	-			
87	Xây dựng mới Trụ sở Đội PCCC quận 12	Ban Quản lý dự án Khu vực ĐTXD quận 12	Quận 12	2006 - 2007	3007m ²	8.111	-	6.943	1.168	-			
88	Xây dựng nâng cấp Nghĩa trang Liệt sỹ Rừng Sác	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	2006 - 2007	17.183m ² , 540 mộ liệt sỹ	13.451	-	11.483	1.968	-			
89	Xây dựng Trạm Kiểm lâm An Thới Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Huyện Cần Giờ	2006	119m ²	1.060	-	779	281	-			

90	Xây dựng Trạm Kiểm lâm Tam Thôn Hiệp	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Huyện Cần Giờ	2006	224m ²	1.547	392	989	166	-			
91	Đầu tư hệ thống thủy lợi phát triển 100ha cây ăn trái kết hợp du lịch sinh thái Long Phước, quận 9	Ban Quản lý dự án đầu tư khu vực xây dựng quận 9	Quận 9	2006 - 2007	100ha	16.967	5.029	9.301	2.637	-			
92	Sửa chữa chống xuống cấp trụ sở làm việc Hội Chữ Thập đỏ thành phố	Hội Chữ Thập đỏ thành phố	Quận 1	2006	Sửa chữa cải tạo	2.258	-	1.998	260	-			
93	Sửa chữa phà Bình Khánh B (số đăng ký : SG-50065)	Công ty Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong.	Huyện Cần Giờ, huyện Nhà Bè	2006	Đưa phà lên ụ, kiểm tra, sửa chữa và thay thế những chi tiết hư hỏng	2.148	-	1.855	293	-			
94	Đóng mới ponton 500T và 60T tại bến phà Bình Khánh	Công ty Dịch vụ công ích Thanh niên xung phong	Huyện Nhà Bè - Huyện Cần Giờ	2006	Tải trọng 500T và 60T	3.516	-	2.990	526	109			
95	Xây dựng công viên hành lang ống nước dọc Xa lộ Hà Nội, giai đoạn 2	Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	Quận 2, quận Thủ Đức	2006	78.624m ²	5.030	-	4.448	582	-			
96	Xây dựng công viên dạ cầu Bình Triệu	Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	Quận Bình Thạnh, quận Thủ Đức	2006 - 2007	21,044m ²	5.874	-	4.692	1.182	-			
97	Chi phí bồi thường hỗ trợ thiệt hại và di dời chợ Mai Xuân Thưởng	Ủy ban nhân dân quận 6	Quận 6	2006	di dời	6.413	6.413	-	-	-			
98	Chi phí bồi thường hỗ trợ thiệt hại và di dời chợ cá Hòa Bình	Ủy ban nhân dân quận 5	Quận 5	2006	di dời	116	116	-	-	-			
99	Xây dựng Đồn biên phòng 554	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố	Huyện Cần Giờ	2006 - 2007	Trụ sở đồn biên phòng 286,08m ² ; kho vũ khí 21m ² , nhà bảo vệ, công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật	6.180		4.322	1.858	-			

100	Cải tạo nâng cấp phòng Chính trị, nhà làm việc, phòng Tham mưu, nhà ở chiến sỹ, đường giao thông nội bộ và xây mới Hội trường Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	Quận 10	2006 - 2007	Hội trường 2.507,4m ² ; nhà Tham mưu 5.466m ² ; nhà chính trị 3.377m ²	31.238	-	25.762	5.476	-				
101	Xây dựng mới Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cần Giờ	Ban Quản lý dự án khu vực ĐTXD huyện Cần Giờ	Huyện Cần Giờ	2006 - 2007	600 học viên	13.097	-	11.196	1.901	-				
102	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở và Phòng thí nghiệm của Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng - Sở Khoa học và công nghệ	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Quận 3	2006 - 2007	Sửa chữa khối nhà A, các công trình phụ; xây mới 2 tầng tại khối nhà A diện tích 932,8m ²	2.999	-	2.517	482	-				
103	Xây dựng trạm Cảnh sát giao thông số 4	Ban Quản lý dự án huyện Bình Chánh	Huyện Bình Chánh	2006 - 2007	1850 m ²	8.160	-	6.633	1.527	-				
104	Sửa chữa chốt kiểm soát số 5 và số 6	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng thành phố	Quận 1	2006	Sửa chữa lớn phương tiện	915			915	-				
105	Mua sắm và lắp đặt hệ thống lạnh cho phòng phát sóng Đài Tiếng nói nhân dân thành phố	Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố	Quận 9	2006	hệ thống lạnh	1.085	-	940	145	-				
106	Đầu tư thiết bị sắc ký lỏng ghép khối phổ ba tứ cực (GC/MS/MS)	Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm - Sở Khoa học và Công nghệ	Quận 1	2006 - 2007	Thiết bị chuyên ngành	8.682	-	7.875	807	-				
107	Đầu tư trang bị đồng bộ máy móc thiết bị dụng cụ hiện đại phục vụ cho việc tuyển chọn và huấn luyện các môn thể thao trọng điểm	Sở Thể dục - Thể thao	Quận 1, 3, 11, Bình Thạnh	2006 - 2007	Thiết bị chuyên ngành	15.051	-	13.255	1.796	-				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 117/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện
Chương trình cải cách hành chính và chống quan liêu (giai đoạn 2006 - 2010)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa VIII;

Căn cứ Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khóa VIII ngày 11 tháng 4 năm 2006 và Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Thành ủy về thực hiện Chương trình cải cách hành chính và chống quan liêu, chống tham nhũng, chống lãng phí (giai đoạn 2006 - 2010),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Chương trình hành động thực hiện Chương trình cải cách hành chính và chống quan liêu (giai đoạn 2006 - 2010).

Điều 2. Phân công Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Thành Tài theo dõi và chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình. Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố là cơ quan thường trực phụ trách Chương trình.

Điều 3. Cơ quan thường trực phụ trách Chương trình có trách nhiệm cụ thể hóa thành kế hoạch tổ chức thực hiện hàng năm và chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám đốc các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch cụ thể 5 năm 2006 - 2010 và hàng năm, nhằm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

Điều 4. Giao cơ quan thường trực phụ trách Chương trình tổng hợp báo cáo định kỳ hàng quý về kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết cho Ủy ban nhân dân thành phố; sơ kết hàng năm kết quả thực hiện.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh đột xuất, cơ quan thường trực báo cáo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp phụ trách Chương trình chỉ đạo giải quyết.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười), ngày kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai Chương trình hành động thực hiện
Chương trình cải cách hành chính và chống quan liêu
(giai đoạn 2006 - 2010)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/2006/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2005 ở thành phố đã đạt những kết quả bước đầu; tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển của một đô thị lớn, vẫn còn tình trạng quan liêu, cửa quyền và tham nhũng, lãng phí ở nhiều cơ quan, đơn vị.

Để phát huy các kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, yếu kém trong cải cách hành chính; tiếp tục thực hiện giai đoạn II Chương trình Tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 - 2010 và là một trong năm Chương trình, Công trình mang tính chất đòn bẩy do Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII đề ra.

Phần thứ nhất MỤC TIÊU

Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa; hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển thành phố; cụ thể như sau:

1. Đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của các cấp có thẩm quyền. Hệ thống các quy trình, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các ngành, các cấp từ thành phố đến cơ sở được chuẩn hóa, mẫu hóa, công khai hóa, tin học hóa theo nguyên tắc đơn giản, thống nhất và thuận tiện, giảm phiền hà cho tổ chức và công dân.

2. Trên cơ sở các kết quả đạt được trong giai đoạn 2001 - 2005, tiếp tục điều chỉnh, hoàn chỉnh và kiện toàn hệ thống quản lý hành chính Nhà nước từ thành phố

đến cơ sở phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố với số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng chuyên môn cao và có phẩm chất đạo đức tốt, tận tụy phục vụ nhân dân và sự nghiệp phát triển thành phố.

4. Tăng cường các giải pháp, biện pháp có tính đột phá, gắn liền với đẩy mạnh thanh tra công chức, công vụ; qua đó góp phần ngăn chặn và từng bước đẩy lùi các hiện tượng quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí; tăng cường hơn nữa kỷ luật, kỷ cương trong bộ máy các cơ quan hành chính, từng bước xây dựng bộ máy hành chính thật sự trong sạch, vững mạnh và gần dân.

5. Tiếp tục ủy quyền, phân cấp mạnh hơn, đồng bộ hơn cho sở, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn để chủ động và trách nhiệm hơn trong quản lý và đầu tư phát triển.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhằm không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và chất lượng cung ứng các dịch vụ hành chính cho tổ chức và công dân.

7. Đẩy mạnh xã hội hóa đối với các ngành, lĩnh vực mà Nhà nước không nhất thiết đầu tư 100% vốn ngân sách; đồng thời, đổi mới cơ chế hoạt động và quản lý tài chính công đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, nâng cao hiệu quả huy động và đầu tư các nguồn lực cho phát triển.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

I. CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế hành chính:

a) Củng cố, nâng cao năng lực xây dựng và ban hành văn bản của sở, ngành, quận, huyện; trong đó, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, nắm vững pháp luật; quy trình, phương pháp xây dựng văn bản, nâng cao chất lượng văn bản. Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời kiến nghị bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ những văn bản có nội dung chồng chéo, trái quy định, không còn phù hợp.

b) Thường xuyên chuẩn hóa, mẫu hóa và công khai minh bạch tất cả các loại giấy tờ thủ tục hành chính có liên quan đến tổ chức và công dân thuộc thẩm quyền

giải quyết của các cấp, các ngành từ thành phố đến cơ sở; đặc biệt là các thủ tục liên quan đến nhà đất, xây dựng, thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, giấy phép các loại,... tạo điều kiện thuận lợi cho công dân và doanh nghiệp.

c) Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện trực tiếp chỉ đạo việc tiếp nhận và xử lý dứt điểm, đúng thời hạn những vướng mắc, kiến nghị của công dân và doanh nghiệp về thủ tục hành chính theo thẩm quyền và lĩnh vực công tác được phân công; đồng thời, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn, chậm trễ trong thực thi công vụ.

d) Tiếp tục cải tiến trình tự giải quyết các loại hồ sơ hành chính, từng bước nâng cao hơn về chất lượng giải quyết công việc cho công dân và doanh nghiệp theo cơ chế “một cửa, một dấu” ở các sở, ngành quản lý Nhà nước và quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

e) Các cơ quan, đơn vị từ thành phố đến cơ sở tiếp tục kiện toàn bộ phận tiếp công dân, để tiếp nhận và giải quyết kịp thời các kiến nghị chính đáng của công dân; thường xuyên tổ chức khảo sát ý kiến của công dân, doanh nghiệp để tiếp thu ý kiến; kịp thời cập nhật, bổ sung, sửa đổi những vấn đề không còn phù hợp, nhằm phục vụ công dân và doanh nghiệp tốt hơn.

g) Đổi mới quy trình, nâng cao chất lượng giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân, gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, qua đó kết nối mạng tin học liên thông giữa các ngành, các cấp để phối hợp và giải quyết công khai, minh bạch, tạo điều kiện để công dân giám sát.

h) Triển khai thực hiện thí điểm áp dụng hệ thống quản lý theo kết quả (PMS), mở rộng hệ thống quản lý chất lượng ISO và một số kết quả trong cải cách hành chính, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cấp, các ngành, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu sử dụng các dịch vụ hành chính của công dân và doanh nghiệp do các cơ quan hành chính Nhà nước cung ứng.

2. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính:

a) Hàng năm các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn, phải rà soát và hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động; qua đó, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị và của các bộ phận cấu thành; phân định rõ chế độ trách nhiệm giữa tổ chức và cá nhân; xác định mối quan hệ, lề lối làm việc và có sự phân công hợp lý, rõ ràng.

b) Tiếp tục kiện toàn và hoàn thiện bộ máy hành chính các cấp từ thành phố đến cơ sở, theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Đổi mới phương thức hoạt động của Chính quyền cơ sở để sát với dân hơn và phù hợp với tính chất quản lý hành chính Nhà nước về kinh tế - xã hội ở địa bàn dân cư. Nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước theo pháp luật và chất lượng phục vụ công dân ở các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp.

c) Hoàn thiện dần việc phân công hợp lý bộ phận tiếp nhận, xử lý các yêu cầu của công dân và tổ chức trong các lĩnh vực nhà, đất; xây dựng; lao động - thương binh và xã hội; giao thông - công chính; công nghiệp; thương mại; phân định rạch ròi giữa quản lý hành chính Nhà nước với quản lý sản xuất - kinh doanh. Sơ kết đánh giá hoạt động của các Tổng Công ty để kịp thời đề ra các giải pháp chấn chỉnh các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả. Sơ kết, rút kinh nghiệm về Tổ nghiệp vụ hành chính ở các quận, huyện.

d) Tiếp tục mở rộng phân cấp và ủy quyền đồng bộ cho sở, ngành, quận, huyện, phường, xã, thị trấn phù hợp với chức năng và điều kiện quản lý của từng ngành, từng địa phương, trên cơ sở sơ kết thực hiện Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ.

e) Chậm nhất năm 2008, hoàn thành việc xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc của cấp ủy và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn đạt chuẩn quy định và được trang bị phương tiện làm việc đồng bộ, bảo đảm cho công chức làm việc và giao tiếp với công dân thuận lợi.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý Nhà nước, thực hiện nối mạng giữa các cơ quan Nhà nước ở thành phố, củng cố hoạt động các trang Web của thành phố và các sở, ngành, quận, huyện, tiến đến xây dựng nền hành chính điện tử ở thành phố. Mở rộng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong các cơ quan hành chính Nhà nước ở thành phố. Phần đầu đến hết năm 2006 có 100% các sở, ngành, quận, huyện áp dụng ISO trong một số lĩnh vực công việc; từng bước mở rộng áp dụng ISO đến các phường, xã, thị trấn.

h) Xây dựng đề án, thông qua Ban Thường vụ Thành ủy, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố để kiến nghị Trung ương cho thực hiện thí điểm mô hình Chính quyền đô thị ở thành phố Hồ Chí Minh.

3. Cải cách, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức:

a) Công tác tuyển dụng:

- Thực hiện chế độ tuyển dụng cán bộ, công chức vào các cơ quan Nhà nước các cấp của thành phố chặt chẽ, công khai. Xây dựng quy chế, quy định rõ về trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu cơ quan tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức thuộc quyền.

- Thực hiện có kết quả đề án bảo đảm nguồn nhân lực cho hệ thống chính trị của thành phố. Hoàn thiện chế độ đãi ngộ, quy trình tuyển chọn đưa đi đào tạo, quy trình giới thiệu việc làm, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức phát huy tốt nhất năng lực chuyên môn.

- Các ngành, các cấp tăng cường thực hiện thanh tra công chức, công vụ, nhằm nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động của công chức, qua đó tác động nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ công dân, doanh nghiệp, khắc phục tình trạng tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, công chức.

- Có nhiều hình thức và tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên mạnh dạn đề xuất, hiến kế nhằm xây dựng bộ máy, tổ chức ngày thêm mạnh và hoạt động có hiệu quả, qua đó vừa động viên được trí tuệ, vừa phát hiện chọn lựa những người có đủ phẩm chất và năng lực, bồi dưỡng tham gia vào đội ngũ điều hành, quản lý ở các đơn vị.

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, công chức:

- Các ngành, các cấp phải thường xuyên rà soát lại việc quy hoạch các chức danh thuộc diện cán bộ chủ chốt để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu bổ nhiệm cán bộ.

- Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng hành chính, tin học cho tất cả cán bộ, công chức làm việc ở các cơ quan quản lý hành chính các cấp của thành phố bằng các hình thức thích hợp, đặc biệt chú trọng đào tạo theo chức danh.

- Tăng cường hơn nữa kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước từ thành phố đến cơ sở. Xử lý nghiêm minh mọi trường hợp cán bộ, công chức không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có tiêu cực.

c) Thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ:

- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức theo quy định của Chính phủ; đồng thời nghiên cứu đặc thù của thành phố để kiến nghị với Chính phủ hoặc đề xuất Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương tăng thu nhập nhằm khuyến khích và khen thưởng thỏa đáng đối với cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút những người có trình độ cao vào làm việc ở các cơ quan, đơn vị thuộc các ngành, các cấp của thành phố, nhất là lực lượng trẻ có trình độ đại học chính quy về làm việc ở phường, xã, thị trấn và vùng khó khăn, những ngành nghề đặc biệt.

4. Cải cách tài chính công:

a) Đẩy mạnh xã hội hóa với các cơ chế, chính sách hấp dẫn để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển thành phố, nhất là đối với các lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao và hạ tầng kỹ thuật đô thị. Mở rộng đấu thầu một số loại dịch vụ công như chợ, vệ sinh đô thị, cấp - thoát nước, công viên, cây xanh, nước phục vụ nông nghiệp,... Tiếp tục cho thuê đất để xây dựng cơ sở trường học, bệnh viện.

b) Từng bước nhân rộng mô hình dịch vụ hành chính công có thu dịch vụ phí; mở rộng việc thực hiện quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu.

c) Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị hành chính thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính.

d) Quản lý chặt chẽ quỹ nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước và có phương án bố trí, sắp xếp để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả. Tổ chức hoạt động có hiệu quả thị trường vốn, nhằm huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và vốn nước ngoài, từng bước hình thành hệ thống quản lý, điều tiết thị trường vốn.

II. CHỐNG QUAN LIÊU

1. Thực hiện tốt quy chế tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị; tăng cường vai trò và trách nhiệm cá nhân trong quản lý, điều hành công việc; nâng cao chất lượng hội họp. Lãnh đạo các ngành, các cấp phải dành nhiều thời gian đi cơ sở, lắng nghe và giải quyết kịp thời những kiến nghị chính đáng của cán bộ, công chức và công dân.

2. Tăng cường các hình thức gặp gỡ, đối thoại giữa cơ quan, chính quyền với công dân, tổ chức và doanh nghiệp; qua đó tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho công dân và doanh nghiệp làm ăn theo quy định pháp luật.

3. Đổi mới tư duy, phong cách lãnh đạo, điều hành của cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, tránh sa vào công việc sự vụ; tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến chính đáng của cán bộ, công chức, cơ quan, đơn vị và các nguồn thông tin khác; chống tư tưởng độc đoán, chuyên quyền trong chỉ đạo và điều hành công việc.

4. Các sở, ngành, quận, huyện thường xuyên giáo dục đội ngũ cán bộ, công chức không ngừng rèn luyện nâng cao phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp trong thực thi công vụ, tâm huyết với công việc chuyên môn. Xây dựng tác phong, thái độ giao tiếp, ứng xử lịch sự, ân cần, tạo sự gần gũi, thân thiện với công dân và doanh nghiệp để Chính quyền ngày càng gần dân và phục vụ dân tốt hơn.

5. Tăng cường thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn với công khai, minh bạch những nội dung phải được công khai theo quy định; khuyến khích sự giám sát của cộng đồng đối với hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp.

6. Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng tiếp và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Hạn chế đến mức thấp nhất các vụ khiếu kiện kéo dài hoặc vượt cấp, mọi trường hợp xảy ra (nếu có) người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm trước cấp trên trực tiếp. Xây dựng quy chế phối hợp liên ngành để giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo.

Phần thứ ba

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục củng cố và kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) và lực lượng chuyên trách làm công tác cải cách hành chính ở các đơn vị từ thành phố đến cơ sở. Thường xuyên duy trì hoạt động của Ban Chỉ đạo, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính ở địa phương và đơn vị.

2. Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền về cải cách hành chính với nhiều hình thức thích hợp, nhất là các ngành chức năng và các cơ quan thông tấn báo chí: Truyền hình, phát thanh, báo chí. Mỗi đơn vị phải giao cho một thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách công tác phối hợp tuyên truyền.

3. Công khai minh bạch các thủ tục, quy trình hành chính và các quy định của pháp luật liên quan đến quyền và lợi ích của tổ chức, công dân; tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng và người đứng đầu đơn vị, khuyến khích sự giám sát của cộng đồng trong việc giải quyết các hồ sơ hành chính theo yêu cầu của tổ chức và công dân tại các cơ quan hành chính.

4. Thường xuyên khảo sát ý kiến của tổ chức, công dân. Coi đây là một tiêu chí và thước đo quan trọng để đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính nói riêng và hiệu quả hoạt động của từng đơn vị nói chung.

5. Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá công tác cải cách hành chính theo các chỉ số đánh giá mang tính định lượng và kết quả thực hiện ở các đơn vị sẽ được công bố định kỳ trên phương tiện thông tin đại chúng, để tổ chức và công dân giám sát.

6. Tăng cường giám sát, kiểm tra tại đơn vị việc thực thi công vụ và hành xử của cán bộ, công chức đối với công dân và doanh nghiệp khi quan hệ với đơn vị mình. Đối với công chức làm việc ở các bộ phận giải quyết công việc cho công dân và tổ chức, nếu làm nhanh, làm tốt công việc theo yêu cầu của tổ chức, công dân sẽ được khen thưởng thỏa đáng, ngược lại nếu có hành vi quan liêu, hống hách, nhũng nhiễu, làm sai hoặc cố ý kéo dài thời gian, gây khó khăn thiệt hại đến lợi ích chính đáng của tổ chức hoặc công dân sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật trên cơ sở xét trách nhiệm của từng công chức.

7. Tranh thủ nguồn lực hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để xây dựng Dự án cải cách hành chính, nhằm hỗ trợ thực hiện các thí điểm, tổng kết và nhân rộng các sáng kiến mới, trong đó có áp dụng hệ thống quản lý theo kết quả (PMS) để đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính ở các đơn vị.

8. Đẩy mạnh thực hiện tin học hóa trong các hoạt động của cơ quan hành chính, thực hiện Chương trình hành chính điện tử. Phấn đấu đến 2010 hầu hết hoạt động quản lý hành chính Nhà nước của 3 cấp Chính quyền thành phố đều được tiến hành thông qua mạng tin học. Qua đó, loại bỏ dần nền hành chính thủ công đang tồn tại trong nhiều lĩnh vực, thay vào đó là một nền hành chính trong sạch, vững mạnh và hiện đại.

9. Mọi biểu hiện quan liêu, cửa quyền, cố ý gây phiền hà, nhũng nhiễu hoặc làm sai, làm chậm hồ sơ hành chính của tổ chức hoặc công dân, ngoài trách nhiệm trực tiếp của cán bộ, công chức xử lý hồ sơ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm liên đới và phải được xử lý nghiêm minh, bất kỳ người đó là ai.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở mục tiêu, các nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chủ yếu của Chương trình hành động thực hiện Chương trình cải cách hành chính và chống quan liêu giai đoạn 2006 - 2010 của thành phố, hàng năm các sở, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp thuộc thành phố có trách nhiệm cụ thể hóa thành chương trình và kế hoạch thực hiện những nội dung liên quan sau đây:

1. Thường trực Ban Chỉ đạo làm đầu mối phối hợp các chương trình nhánh:

a) Thường trực Ban Chỉ đạo chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và triển khai thực hiện nội dung Chương trình cải cách hành chính và chống quan liêu.

b) Ban Chỉ đạo Chương trình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin xây dựng và triển khai thực hiện khẩn trương Chương trình hành chính điện tử 5 năm 2006 - 2010, nhằm tạo sự chuyên biến về chất so với năm 2005.

2. Định kỳ hàng quý, các đơn vị phải báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua các cơ quan được phân công chủ trì phối hợp) để đánh giá và có sự chỉ đạo chung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Thanh Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 142/2006/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BTM-BNV ngày 08 tháng 4 năm 2005 của Bộ Thương mại và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về thương mại ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 752/QĐ-UB ngày 14 tháng 5 năm 1993 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc hợp nhất 2 Sở: Sở Thương nghiệp và Sở Kinh tế Đối ngoại thành phố thành tổ chức mới lấy tên là: Sở Thương mại thành phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thương mại tại Tờ trình số 2704/STM-TCHC ngày 23 tháng 6 năm 2006 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 474/TTr-SNV ngày 11 tháng 8 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giám đốc Sở Thương mại có trách nhiệm tổ chức triển khai và thực hiện các nội dung, điều khoản được phê duyệt tại Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 251/2004/QĐ-UB ngày 10 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Giám đốc Sở Thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ THƯƠNG MẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 142/2006/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1.

1. Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, có chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý Nhà nước về thương mại trên địa bàn thành phố bao gồm các lĩnh vực: lưu thông hàng hóa trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, thương mại điện tử, quản lý thị trường, quản lý cạnh tranh, chống độc quyền, chống bán phá giá, xúc tiến thương mại, hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế, quản lý Nhà nước các dịch vụ công thuộc ngành thương mại trên địa bàn thành phố và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

2. Sở Thương mại có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách Nhà nước và có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

3. Tên giao dịch tiếng Anh của Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh là: HO CHI MINH CITY DEPARTMENT OF TRADE

- Trụ sở chính đặt tại: 59 - 61 Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 8292991; Fax: (84-8) 8224536
- Website: <http://www.trade.hochiminhcity.gov.vn>
- E-mail: trade@hochiminhcity.gov.vn

Điều 2. Sở Thương mại chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ về thương mại của Bộ Thương mại.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trên cơ sở văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan Nhà nước cấp Trung ương ban hành, Sở Thương mại tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các quyết định, chỉ thị quản lý Nhà nước về thương mại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình.

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố các quy hoạch, kế hoạch hàng năm, 05 năm và dài hạn, các chương trình, dự án quan trọng về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và quy hoạch phát triển ngành của Bộ Thương mại.

3. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc phân công, phân cấp hoặc ủy quyền quản lý về lĩnh vực thương mại đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban và đúng quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển, các chương trình, dự án về thương mại đã được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở.

5. Quản lý lưu thông hàng hóa trong nước:

a) Chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại gồm: hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, đại lý thương mại và các loại hình kết cấu thương mại khác.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn cùng cấp hướng dẫn và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế mở rộng mạng lưới kinh doanh, phát triển các mối liên kết kinh tế trong quá trình lưu thông, giữa lưu thông với sản xuất, hình thành các kênh lưu thông hàng hóa ổn định từ sản xuất đến tiêu dùng ở địa phương.

c) Tổ chức hướng dẫn, triển khai và kiểm tra việc thực hiện các cơ chế, chính sách, pháp luật về lưu thông hàng hóa và dịch vụ thương mại, tổng hợp tình hình và đề xuất giải pháp điều tiết lưu thông hàng hóa trong từng thời kỳ, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật cho phù hợp với yêu cầu thực tế trên địa bàn.

d) Tổng hợp và xử lý các thông tin về thị trường trên địa bàn thành phố về tổng mức lưu chuyển hàng hóa, tổng cung, tổng cầu, mức dự trữ lưu thông và biến động giá cả của các mặt hàng thiết yếu.

e) Tổ chức và quản lý việc cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký về hoạt động kinh doanh thương mại của thương nhân trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

6. Quản lý xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch phát triển xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; triển khai thực hiện cơ chế, chính sách xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

b) Được quyền yêu cầu các đơn vị có liên quan cung cấp thông tin, số liệu để thực hiện nhiệm vụ theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Thương mại về tình hình thực hiện và kiến nghị sửa đổi chính sách xuất khẩu, nhập khẩu, biện pháp phát triển xuất khẩu hàng hóa cho phù hợp với yêu cầu thực tế trên địa bàn.

7. Quản lý thương mại điện tử:

a) Xây dựng và trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình phát triển thương mại điện tử, kế hoạch bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực phục vụ nhiệm vụ quản lý và phát triển thương mại điện tử trên địa bàn thành phố và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Thẩm định hoặc tham gia thẩm định các chương trình, dự án ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng và ứng dụng, phát triển thương mại điện tử phù hợp với chương trình, kế hoạch tổng thể về thương mại điện tử của Bộ Thương mại theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Quản lý thị trường:

a) Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất chỉ đạo công tác quản lý thị trường trên địa bàn thành phố theo quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thương mại và của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

b) Chịu trách nhiệm hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện công tác quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, buôn bán hàng nhập lậu, hàng cấm, chống sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ; chống các hành vi đầu cơ, lũng đoạn thị trường, gian lận thương mại và các hành vi khác vi phạm pháp luật của các tổ chức và cá nhân kinh doanh trên địa bàn thành phố.

c) Chủ trì tổ chức phối hợp giữa các cơ quan chức năng ở địa phương trong công tác quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, buôn bán hàng giả và gian lận thương mại.

d) Tổng hợp, báo cáo tình hình về thị trường, công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý vi phạm trên địa bàn thành phố theo quy định và yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Thương mại.

9. Thực hiện quản lý Nhà nước các quy định của pháp luật về cạnh tranh, chống độc quyền, chống bán phá giá và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về cạnh tranh, chống độc quyền, chống bán phá giá và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nhằm đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn thành phố.

b) Phát hiện và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định đã ban hành nhưng không phù hợp với pháp luật cạnh tranh.

c) Được yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan trong thành phố cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

d) Thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý, cung cấp thông tin cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu về doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh trên thị trường, các doanh nghiệp độc quyền đóng trụ sở chính trên địa bàn thành phố, quy tắc cạnh tranh trong hiệp hội các trường hợp miễn trừ.

10. Quản lý hoạt động xúc tiến thương mại:

a) Xây dựng, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các kế hoạch, chương trình, biện pháp xúc tiến thương mại của thành phố theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố nhằm đẩy mạnh xuất khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, phát triển thương hiệu hàng Việt Nam trên địa bàn thành phố và chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm, khuyến mại thương mại cho các thương nhân; duyệt kế hoạch tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại trên địa bàn thành phố cho thương nhân kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm theo quy định.

c) Thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin thương mại dịch vụ phục vụ các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố. Tổ chức khảo sát, nghiên cứu thị trường trong và ngoài phạm vi thành phố; thị trường nước ngoài để phục vụ cho công tác phát triển thương mại.

11. Về quản lý hoạt động thương mại của các cá nhân, tổ chức: Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài; văn phòng đại diện; doanh nghiệp có vốn nước ngoài; chi nhánh của thương nhân nước ngoài và văn phòng đại diện; chi nhánh ở nước ngoài của thương nhân Việt Nam có trụ sở trên địa bàn thành phố:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố cấp giấy phép thành lập các Hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trên địa bàn thành phố.

b) Thực hiện việc đăng ký hoạt động và kiểm tra hoạt động theo đăng ký của văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện việc đăng ký thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài cho doanh nghiệp Việt Nam có trụ sở chính trên địa bàn thành phố.

12. Về hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố các chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể về hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế của thành phố và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

b) Phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện chương trình, kế hoạch về hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế trên địa bàn.

c) Nghiên cứu, tổng hợp thị trường ngoài nước: xu hướng thương mại, các quy định về tập quán thương mại của các nước, quốc gia và lãnh thổ khác trên thế giới theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

13. Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực quản lý của Sở theo quy định của pháp luật, sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

15. Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về thương mại.

16. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về các lĩnh vực quản lý của Sở;

17. Thực hiện chế độ thông tin về thương mại; báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về các lĩnh vực được phân công theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Thương mại và các cơ quan có liên quan.

18. Kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý của Sở, giải quyết khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật; tổ chức đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và phát triển nguồn nhân lực của ngành tại địa phương.

20. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

21. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA SỞ THƯƠNG MẠI

Điều 4. Lãnh đạo Sở

1. Sở Thương mại có Giám đốc và một số Phó Giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Thương mại là người đứng đầu Sở Thương mại, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở và việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Khi được yêu cầu, Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thương mại và báo cáo công tác trước Bộ Thương mại.

4. Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một (01) Phó Giám đốc được Giám đốc ủy nhiệm điều hành các mặt hoạt động của Sở.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Sở gồm:

1. Phòng chuyên môn thuộc Sở:

- Phòng Kế hoạch - Xuất nhập khẩu;
- Phòng Quản lý thương mại và dịch vụ;
- Phòng Thị trường và thương nhân nước ngoài;
- Phòng Xúc tiến thương mại;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Thanh tra.

Căn cứ yêu cầu công tác và quy định của pháp luật, Giám đốc Sở Thương mại quyết định việc thành lập mới, sáp nhập hoặc điều chỉnh các phòng chuyên môn thuộc Sở sau khi trao đổi, thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ. Riêng Thanh tra Sở thực hiện theo Luật Thanh tra.

2. Đơn vị thuộc Sở:

- Chi cục Quản lý Thị trường thành phố;
- Thời báo Kinh tế Sài Gòn.

Khi cần thiết Ủy ban nhân dân thành phố xem xét việc thành lập mới hoặc sáp nhập các đơn vị trực thuộc Sở Thương mại.

3. Giám đốc Sở Thương mại quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các tổ chức sự nghiệp thuộc Sở và quy định trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

Giám đốc Sở Thương mại phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Quản lý Thị trường và Thanh tra Sở theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào tiêu chuẩn và quy định của pháp luật, Giám đốc Sở quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh lãnh đạo các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở, trừ các chức danh do Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác bổ nhiệm theo phân cấp quản lý cán bộ của thành phố và quy định của pháp luật.

5. Biên chế:

Biên chế của Sở Thương mại do Ủy ban nhân dân thành phố giao trong chỉ tiêu biên chế hành chính sự nghiệp của thành phố.

Giám đốc Sở bố trí sử dụng cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức Nhà nước theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Chương IV

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với tổ chức Đảng và Đoàn thể của thành phố

Sở Thương mại chịu sự lãnh đạo của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về phương hướng hoạt động quản lý Nhà nước về lĩnh vực phụ trách và thực hiện các nhiệm vụ khác theo nghị quyết và chỉ đạo của Thành ủy, báo cáo kết quả các hoạt động thuộc phạm vi quản lý của Sở Thương mại cho Thường trực Thành ủy khi có yêu cầu.

Sở Thương mại tạo điều kiện để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố và các tổ chức đoàn thể tham gia ý kiến với Sở trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Thương mại có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình và kế hoạch tổ chức hoạt động của Sở Thương mại cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố liên quan đến ngành thương mại trên địa bàn thành phố.

2. Giám đốc Sở phải báo cáo, xin chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Bộ Thương mại hoặc để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn được giao.

3. Trong trường hợp các kiến nghị của Sở Thương mại với Bộ Thương mại có liên quan đến chủ trương, chính sách lớn của thành phố thì Giám đốc Sở phải xin ý kiến Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách khối trước khi kiến nghị lên Bộ Thương mại.

4. Đối với những vấn đề đang bàn bạc giữa Giám đốc Sở Thương mại với Thủ trưởng các sở, ngành thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện nhưng chưa có sự thống nhất thì Giám đốc Sở Thương mại tùy theo tính chất và phạm vi vấn đề phải báo cáo ngay với Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phụ trách khối để xem xét, quyết định.

5. Sở Thương mại không được chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở lên Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Đối với Bộ Thương mại

1. Sở Thương mại chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của Bộ Thương mại, đảm bảo sự thống nhất các ngành, lĩnh vực trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở Thương mại có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động và kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ Thương mại.

2. Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Thương mại để triển khai thực hiện các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành thương mại.

Trường hợp Bộ Thương mại chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Sở Thương mại nhận thấy những chủ trương, quy định của Bộ không phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố, Giám đốc Sở phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kèm theo kiến nghị cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ trưởng Bộ Thương mại, hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 9. Đối với các sở, ngành thành phố

1. Sở Thương mại có trách nhiệm thực hiện các quy định quản lý Nhà nước thuộc thẩm quyền của sở, ngành khác và không được ban hành những văn bản trái với quy định của Nhà nước, của Ủy ban nhân dân thành phố về ngành, lĩnh vực do sở, ngành khác phụ trách.

2. Giám đốc Sở Thương mại khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của mình hoặc trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết các vấn đề có liên quan đến sở, ngành khác phải chủ động bàn bạc, lấy ý kiến Thủ trưởng của sở, ngành đó bằng văn bản. Thủ trưởng sở, ngành được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời, Giám đốc Sở Thương mại chịu trách nhiệm xử lý các ý kiến trả lời.

Trường hợp không thống nhất ý kiến giữa sở, ngành được lấy ý kiến và Sở Thương mại, các bên cùng trình bày ý kiến để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 10. Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Sở Thương mại chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện các quyết định, chỉ thị và các văn bản chỉ đạo khác của Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực thương mại.

2. Trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giải quyết những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực thương mại, Ủy ban nhân dân quận, huyện phải chủ động bàn bạc, thống nhất ý kiến với Sở Thương mại. Sở Thương mại có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời các vấn đề do Ủy ban nhân dân quận, huyện yêu cầu.

Trường hợp không thống nhất ý kiến giữa Ủy ban nhân dân quận, huyện và Sở Thương mại, các bên cùng trình bày ý kiến để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Trưởng Phòng Kinh tế quận, huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện ra quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm sau khi thỏa thuận bằng văn bản với Giám đốc Sở Thương mại.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Căn cứ Quy chế này, Giám đốc Sở Thương mại có trách nhiệm cụ thể thành chương trình công tác, hoạt động của Sở, tổ chức các phòng và bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của ngành thương mại trên địa bàn thành phố.

Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện tùy theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp thực hiện Quy chế này.

Điều 12. Quy chế này được Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung khi cần thiết theo đề nghị của Giám đốc Sở Thương mại và các sở, ngành có liên quan./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

QUẬN 5**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 5****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2006/QĐ-UBND

*Quận 5, ngày 28 tháng 9 năm 2006***QUYẾT ĐỊNH****Về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế
và kinh phí hành chính đối với cơ quan chuyên môn
và Ủy ban nhân dân phường****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước và Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 102/2006/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính đối với cơ quan Nhà nước;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 5 và Trưởng Phòng Nội vụ quận 5,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển đổi thực hiện chế độ khoán định biên và kinh phí hoạt động sang chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với 13 phòng ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 5 và Ủy ban nhân dân 15 phường (gồm cán bộ chuyên trách, công chức chuyên môn và cán bộ

không chuyên trách theo quy định tại Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Quyết định số 339/2004/QĐ-UB ngày 31 tháng 12 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố).

Điều 2. Biên chế thực hiện chế độ tự chủ là biên chế được Ủy ban nhân dân quận giao. Ngoài ra, đơn vị được sử dụng lao động thuê khoán công việc theo yêu cầu cụ thể của từng đơn vị trong phạm vi định mức kinh phí được giao.

Điều 3. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ

1. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ:

a) Nguồn ngân sách Nhà nước cấp theo dự toán được Ủy ban nhân dân quận 5 giao hàng năm.

b) Các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định.

c) Các khoản thu hợp pháp khác.

2. Định mức kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ được áp dụng theo định mức khoán kinh phí quản lý Nhà nước ban hành tại Quyết định số 246/2005/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Nội dung chi, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ: Theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ, Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ và Công văn số 2034/UBND-TCKH ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 5.

4. Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ, bao gồm:

a) Các khoản phụ cấp đặc thù theo ngành nghề và chế độ ưu đãi do Trung ương hoặc thành phố quy định (phụ cấp ưu đãi và trang phục Thanh tra viên, trợ cấp cho cán bộ có trình độ Đại học công tác ở phường, xã...).

b) Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón khách nước ngoài vào Việt Nam công tác (đoàn ra, đoàn vào).

c) Chi sửa chữa và mua sắm tài sản cố định mà kinh phí thường xuyên không đáp ứng được: Mua sắm có giá trị trên 5 triệu đồng/tài sản; sửa chữa có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên.

d) Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế, vốn đối ứng các dự án (nếu có).

e) Chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

- f) Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- g) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.
- h) Kinh phí đào tạo cán bộ, công chức.
- i) Kinh phí nghiên cứu khoa học.
- k) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản được duyệt.
- l) Các chế độ ưu đãi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định.

Điều 4. Thời gian áp dụng chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Điều 5. Hàng năm, các cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Nội vụ quận 5 chậm nhất ngày 15 tháng 12 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận 5.

Điều 6. Giao Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp và tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ với thành phố theo mẫu số 06 tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 5, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận 5, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường quận 5 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Công Luận

QUẬN BÌNH TÂN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4637/2006/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 02 tháng 10 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2001 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế “Một cửa” tại cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4345/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2006 về việc thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “Một cửa” của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ quận Bình Tân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận (sau đây gọi tắt là Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Về Tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4637/2006/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 10 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận và của Ủy ban nhân dân quận, cũng như những yêu cầu để thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ về mở rộng cơ chế “Một cửa” trong việc giải quyết công việc của tổ chức, công dân ở cơ quan hành chính Nhà nước các cấp.

Điều 2. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận có nhiệm vụ tiếp, hướng dẫn tổ chức, công dân đến liên hệ những công việc được quy định giải quyết theo cơ chế “Một cửa”, nhận hồ sơ đã đủ thủ tục theo quy định, chuyển hồ sơ đã nhận cho các phòng, ban chuyên môn để xem xét giải quyết và trả kết quả cho tổ chức, công dân.

Điều 3. Tổ chức, công dân có yêu cầu giải quyết những công việc theo cơ chế “Một cửa” chỉ liên hệ với Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chỉ tiếp nhận những hồ sơ đủ thủ tục theo quy định.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Chánh Văn phòng phụ trách và bao gồm cán bộ, công chức do Ủy ban nhân dân quận điều động từ các phòng, ban chuyên môn có liên quan. Cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chịu sự quản lý toàn diện và trực tiếp của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận.

Điều 5. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có những nhiệm vụ sau đây:

1. Tiếp tổ chức, công dân tại phòng làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả khi họ có yêu cầu giải quyết công việc trong phạm vi thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận được quy định giải quyết theo cơ chế “Một cửa”.

2. Trường hợp yêu cầu của tổ chức, công dân không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn để tổ chức, công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Hướng dẫn và nhận hồ sơ của tổ chức, công dân như quy định ở khoản 1 của Điều này, vào sổ các hồ sơ đã nhận.

Trường hợp hồ sơ chưa hoàn chỉnh thì hướng dẫn để tổ chức, công dân bổ sung, hoàn chỉnh. Xem xét nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận, viết phiếu nhận hồ sơ (mẫu 1), vào sổ theo dõi (mẫu 3).

4. Chuyển hồ sơ của tổ chức, công dân đến các phòng, ban chuyên môn xử lý (mẫu 2).

5. Sau khi có kết quả từ các phòng, ban chuyên môn, trả kết quả giải quyết cho tổ chức, công dân và thu phí, lệ phí theo quy định.

Điều 6. Mọi quan hệ giữa Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả với Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, với các phòng, ban chuyên môn của quận:

1. Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận có nhiệm vụ:

- Quản lý thời gian làm việc hàng ngày của cán bộ, công chức thuộc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Theo dõi, nắm tình hình tiếp nhận, giải quyết, trả hồ sơ của cán bộ, công chức thuộc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và phối hợp với các Trưởng phòng, ban chuyên môn kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc xảy ra, đặc biệt đối với những hồ sơ liên quan đến nội dung công việc của nhiều phòng, ban.

- Kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh những sai sót trong quá trình làm việc của cán bộ, công chức khi giao tiếp với tổ chức, công dân.

- Đảm bảo các điều kiện làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về tình hình thực hiện công tác của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả bằng văn bản theo định kỳ tháng, quý, năm.

2. Các phòng, ban có nhiệm vụ:

- Vào sổ các hồ sơ do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến theo nội dung: ngày hồ sơ gửi đến, nội dung cần giải quyết, ngày trao trả hồ sơ, ký xác nhận.

- Trưởng các phòng, ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đảm bảo thời gian hẹn, đúng pháp luật. Các phòng, ban chuyên môn không trực tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, công dân thuộc các lĩnh vực giải quyết theo cơ chế “Một cửa”.

- Trường hợp hồ sơ liên quan đến nhiều phòng, ban thì Trưởng phòng, ban chuyên môn chịu trách nhiệm chính phải phối hợp với các phòng chuyên môn khác để phối hợp giải quyết trước khi ký hay trình cấp có thẩm quyền xem xét.

Chương III **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 7. Mỗi cán bộ, công chức thuộc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được phân công phụ trách công việc tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ, thủ tục thuộc một trong các lĩnh vực sau đây:

1. Đăng ký kinh doanh hộ cá thể.
2. Địa chính.
3. Xây dựng, nhà ở.
4. Sao y, chứng thực - hộ tịch
5. Văn hóa - xã hội.

Điều 8. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chỉ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trong giờ hành chính, cụ thể như sau:

- Sáng từ 07h30 - 11h00.
- Chiều từ 13h00 - 16h00.

Thời gian hành chính còn lại trong ngày dùng để sắp xếp hồ sơ, bàn giao hoặc chuyển hồ sơ đến các cơ quan, đơn vị phòng, ban giải quyết. Sau ngày làm việc, cán bộ, công chức phải kiểm kê phí và lệ phí đã thu và nộp ngay cho thủ quỹ của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận theo đúng chế độ quản lý tài chính đã quy định.

Điều 9. Trong giờ hành chính, cán bộ, công chức của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải mặc trang phục theo quy định của quận, đeo thẻ cán bộ, công chức và có biển chức danh đặt trên bàn làm việc để cho tổ chức, công dân biết liên hệ.

Chương IV
QUY TRÌNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIẢI QUYẾT
HỒ SƠ THEO CƠ CHẾ “MỘT CỬA”

Điều 10. Mọi quy định về hồ sơ, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết, phí, lệ phí được niêm yết công khai tại phòng làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Điều 11. Quy định về việc tiếp nhận, giải quyết và trả hồ sơ:

1. Tiếp nhận hồ sơ:

- Khi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, công dân, cán bộ, công chức của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm kiểm tra kỹ các loại giấy tờ cần thiết của từng loại hồ sơ, hướng dẫn cho tổ chức, công dân kê khai, bổ sung (nếu thiếu). Quy định chỉ hướng dẫn công dân bổ sung cho hồ sơ thủ tục được một lần. Sau khi kiểm tra, nếu hồ sơ đã đúng nội dung và đủ số lượng các loại giấy tờ theo quy định thì cán bộ, công chức nhận hồ sơ, viết phiếu nhận hồ sơ.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ đã nhận đến các phòng, ban chuyên môn ngay trong ngày; cuối ngày báo cáo kết quả số lượng nhận và giao hồ sơ trong ngày cho Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận phụ trách.

2. Việc xem xét giải quyết hồ sơ của các phòng, ban:

- Trưởng các phòng, ban chuyên môn chịu trách nhiệm giải quyết khi nhận hồ sơ của tổ chức, công dân do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển đến.

- Trường hợp việc giải quyết hồ sơ của tổ chức, công dân liên quan đến nhiều phòng, ban chuyên môn thì phòng, ban nào chịu trách nhiệm chính phải trực tiếp liên hệ với phòng, ban chuyên môn khác để giải quyết và hoàn thành các thủ tục cần thiết. Các phòng, ban được tham gia ý kiến có trách nhiệm với nội dung có liên quan trong hồ sơ và thời gian xem xét không quá 3 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; đối với hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cần có thời gian nghiên cứu thì thời gian xem xét có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ; nếu quá thời hạn trên mà không có ý kiến thì xem như đồng ý và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận.

3. Thẩm quyền ký giải quyết công việc:

- Đối với những loại công việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận ủy quyền ký cho Trưởng phòng, ban thì Trưởng phòng, ban ký giải quyết.

- Đối với những loại công việc thuộc thẩm quyền ký của Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thì các phòng, ban trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch ký thông qua Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận.

4. Giao trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Sau khi hồ sơ đã được giải quyết xong thì cán bộ, công chức của các phòng, ban chuyển hồ sơ cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để trả hồ sơ cho tổ chức và công dân theo phiếu hẹn; thu phí, lệ phí theo quy định và vào sổ theo dõi.

Điều 12. Trường hợp không thể giải quyết hồ sơ theo đúng thời gian quy định như đã hẹn thì Thủ trưởng của các phòng, ban có văn bản gửi cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để thông báo cho tổ chức, công dân biết lý do trễ và hẹn lại thời gian trả kết quả bằng văn bản.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận chủ trì, phối hợp với các phòng, ban có liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện Quy chế, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng các phòng, ban chuyên môn nếu thấy có vướng mắc hoặc cần góp ý bổ sung thì báo cáo bằng văn bản để Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét sửa đổi, bổ sung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Văn Thuận

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng